

**BẢNG MA TRẬN ĐỀ MÔN TOÁN LỚP 2 – CUỐI KÌ I**  
**Năm học 2017 – 2018**

| Mạch kiến thức                                                                                                                             |         | Mức 1     |          | Mức 2     |          | Mức 3     |          | Mức 4     |          | Tổng      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|
|                                                                                                                                            |         | TN        | TL       | TN        | TL       | TN        | TL       | TN        | TL       |           |
| <b>1. Số học:</b><br>- Các dạng phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.                                                            | Số câu  | 1         | 1        | 1         | 1        | 1         | 1        |           | 1        | 7         |
|                                                                                                                                            | Câu số  | 1         | 3        | 4         | 6        | 7         | 8        |           | 10       | 7         |
|                                                                                                                                            | Số điểm | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>1</b>  | <b>1</b> |           | <b>1</b> | <b>7</b>  |
| <b>2. Các đơn vị đo thời gian:</b><br>- Ngày, tháng, giờ.                                                                                  | Số câu  | 1         |          |           |          |           |          |           |          | 1         |
|                                                                                                                                            | Câu số  | 2         |          |           |          |           |          |           |          | 1         |
|                                                                                                                                            | Số điểm | <b>1</b>  |          |           |          |           |          |           |          | <b>1</b>  |
| <b>3. Hình học:</b><br>- Nhận diện hình chữ nhật, hình tứ giác, đường thẳng.                                                               | Số câu  |           |          | 1         |          |           |          |           |          | 1         |
|                                                                                                                                            | Câu số  |           |          | 5         |          |           |          |           |          | 1         |
|                                                                                                                                            | Số điểm |           |          | <b>1</b>  |          |           |          |           |          | <b>1</b>  |
| <b>4. Giải các bài toán có lời văn:</b> - Giải và trình bày lời giải các bài toán bằng 1 phép tính cộng, trừ hoặc BT về ít hơn, nhiều hơn. | Số câu  |           |          |           |          |           | 1        |           |          | 1         |
|                                                                                                                                            | Câu số  |           |          |           |          |           | 9        |           |          | 1         |
|                                                                                                                                            | Số điểm |           |          |           |          |           | <b>1</b> |           |          | <b>1</b>  |
| <b>Tổng số câu</b>                                                                                                                         |         | <b>03</b> |          | <b>03</b> |          | <b>03</b> |          | <b>01</b> |          | <b>10</b> |
| <b>Tổng số điểm</b>                                                                                                                        |         | <b>03</b> |          | <b>03</b> |          | <b>03</b> |          | <b>01</b> |          | <b>10</b> |

**ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN LỚP 2 – CUỐI KÌ I**  
**Năm học 2017 – 2018**

Câu 1: Nối phép tính với kết quả đúng: (1 điểm)

$$29 - 7$$

$$43 - 26$$

58

17

33

22

$$52 - 19$$

$$90 - 32$$

Câu 2: Xem tờ lịch tháng 9 rồi chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ chấm: (1 điểm)

|   | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy | Chủ nhật |
|---|---------|--------|--------|---------|---------|---------|----------|
| 9 |         | 1      | 2      | 3       | 4       | 5       | 6        |
|   | 7       | 8      | 9      | 10      | 11      | 12      | 13       |
|   | 14      | 15     | 16     | 17      | 18      | 19      | 20       |
|   | 21      | 22     | 23     | 24      | 25      | 26      | 27       |
|   | 28      | 29     | 30     |         |         |         |          |

(tư, năm, sáu, bảy)

Ngày 5 tháng 9 là thứ .....

Câu 3: Tính (1 điểm)

$$18kg - 9kg =$$

$$37 + 5 =$$

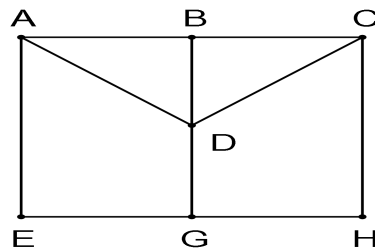
$$52l - 4l =$$

$$64cm + 8cm =$$

Câu 4: Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm: (1 điểm)

$$35 + 15 \dots 80 - 10 - 15$$

Câu 5: Quan sát hình rồi khoanh vào đáp án đúng: (1 điểm)



Trong hình vẽ trên có mấy hình tam giác?

A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5 hình

Câu 6: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

$$24 + 16$$

.....

.....

.....

.....

$$37 + 55$$

.....

.....

.....

.....

$$97 - 9$$

.....

.....

.....

.....

$$51 - 28$$

.....

.....

.....

.....

Câu 7: Điền Đ hoặc S vào ô trống: (1 điểm)

A.  $100 - 80 = 20$

☐

B.  $10 + 5 - 7 = 9$

☐

C.  $30 + 20 = 50$

☐

D.  $12 - 4 - 2 = 7$

☐

Câu 8: Tìm x: (1 điểm)

a,  $x + 48 = 63$

b,  $x - 24 = 16$

Câu 9: Nhà chú Ba nuôi 100 con gà. Nhà cô Tư nuôi ít hơn nhà chú Ba 17 con gà. Hỏi nhà cô Tư nuôi bao nhiêu con gà? (1 điểm)

Bài giải:

.....

.....

.....

Câu 10. Em hãy tính hiệu của số nhỏ nhất có hai chữ số và số lớn nhất có một chữ số. (1 điểm)

.....

.....

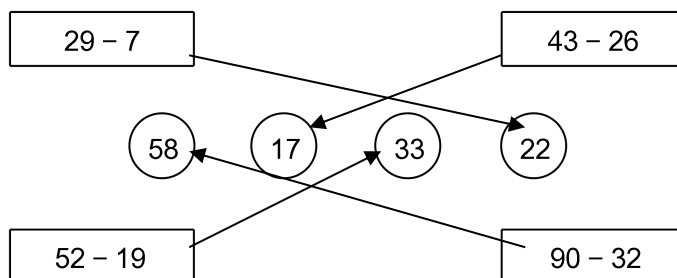
.....

GVCN:

Hứa Vi Thị Túc

## ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu 1. (1 điểm: mỗi phép tính nối đúng 0,25 điểm)



Câu 2. (1 điểm)

Ngày 5 tháng 9 là thứ bảy.

Câu 3: (1 điểm: mỗi phép tính đúng 0,25 điểm)

$$18\text{ kg} - 9\text{ kg} = 9\text{ kg}$$

$$37 + 5 = 43$$

$$52\text{ l} - 4\text{ l} = 48\text{ l}$$

$$64\text{ cm} + 8\text{ cm} = 72\text{ cm}$$

Câu 4. (1 điểm) >

Câu 5. (1 điểm) B

Câu 6. (1 điểm: mỗi phép tính đúng 0,25 điểm)

$$\begin{array}{r} 24 \\ + 16 \\ \hline 40 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 55 \\ \hline 92 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 97 \\ - 9 \\ \hline 88 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51 \\ - 28 \\ \hline 23 \end{array}$$

Câu 7. (1 điểm: mỗi ý đúng 0,25 điểm)

A- Đ; B-S; C- Đ; D - S

Câu 8. (1 điểm: mỗi câu đúng 0,5 điểm)

a,  $x + 48 = 63$

$$x = 63 - 48$$

$$x = 15$$

b,  $x - 24 = 16$

$$x = 16 + 24$$

$$x = 40$$

Câu 9. (1 điểm)

Bài giải:

Số con gà nhà cô Tư nuôi là: (0,25 điểm)

$$100 - 17 = 83 \text{ (con gà)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số: 83 con gà. (0,25 điểm)

Câu 10. (1 điểm)

Số nhỏ nhất có hai chữ số là: 10 (0,25 điểm)

Số lớn nhất có một chữ số là: 9 (0,25 điểm)

Hiệu là:  $10 - 9 = 1$  (0,5 điểm)